

Số: **43** /2024/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 14 tháng 10 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3956/TTr-STNMT ngày 13 tháng 10 năm 2024; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 1746/BC-STP ngày 12 tháng 10 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ).

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan quản lý nhà nước trong việc giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục

đích khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai 2024.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.

**Điều 3. Tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác.**

Việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác phải đảm bảo các tiêu chí, điều kiện sau:

1. Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện. Đối với thành phố Cao Bằng phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu.

2. Có quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3. Phù hợp với kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư.

4. Có phương án trồng rừng thay thế hoặc văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

5. Có phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định của pháp luật về trồng trọt.

6. Thực hiện các thủ tục thuộc lĩnh vực môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này theo chức năng, nhiệm vụ của ngành.

3. Các sở, ngành có liên quan: Phối hợp cho ý kiến các nội dung liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của ngành khi có đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. UBND cấp huyện, cấp xã: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác đối với diện tích, vị trí, loại đất cần chuyển mục đích sử dụng. Giám sát và theo dõi chặt chẽ quá trình chuyển mục đích sử dụng đất, đảm bảo đúng quy định pháp luật.

5. Các tổ chức, cá nhân có liên quan: Chấp hành nghiêm các nội dung của Quyết định này; thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định hiện hành. Phản ánh kịp thời về những vướng mắc trong, bất cập trong quá trình thực hiện đến các cơ quan có thẩm quyền.

6. Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2024

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị, Chủ đầu tư các dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT, Ủy viên UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh CB và các tổ chức CT-XH;
- VP UBND tỉnh: Các PCVP, các CV NCTH, TTTT;
- Lưu: VT, NĐ (TT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hoàng Xuân Ánh**